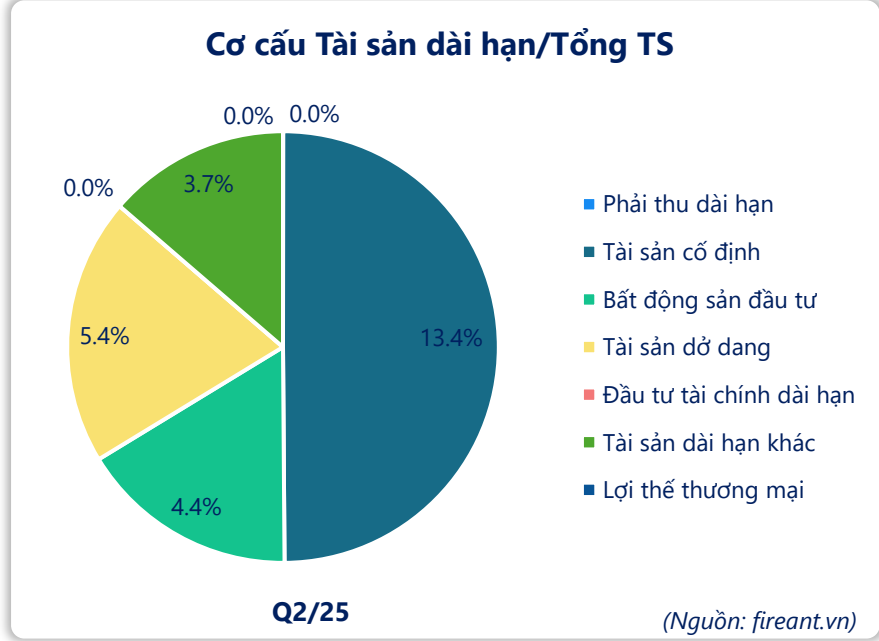
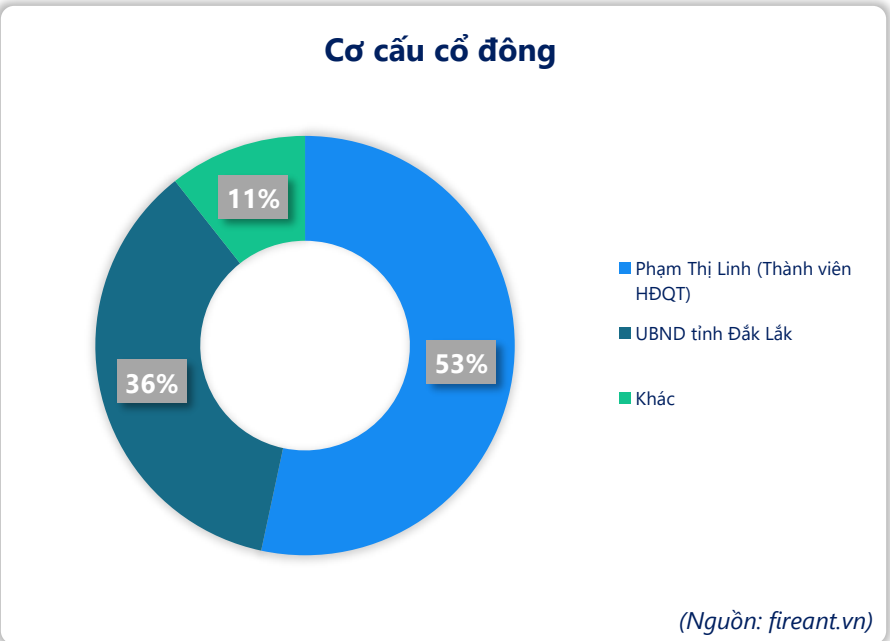
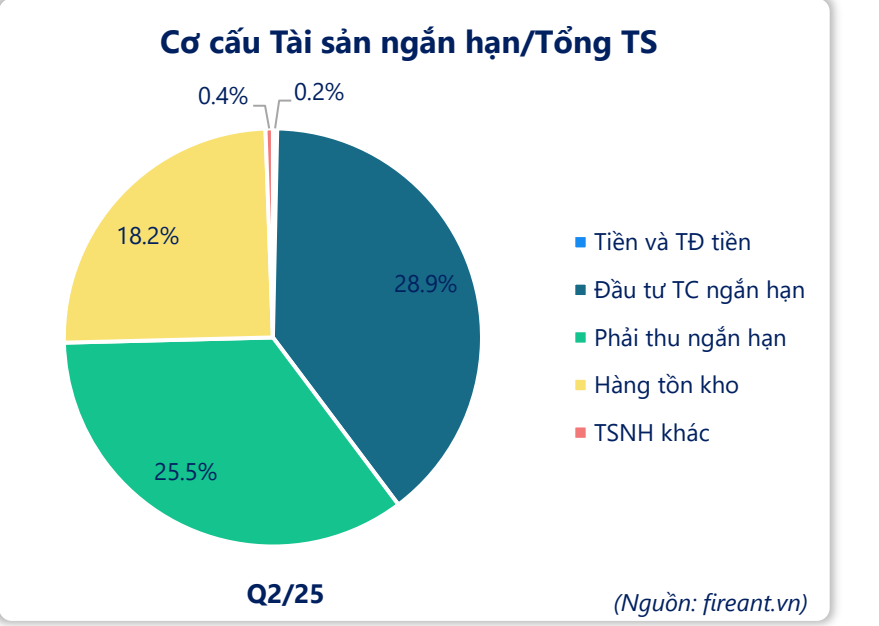
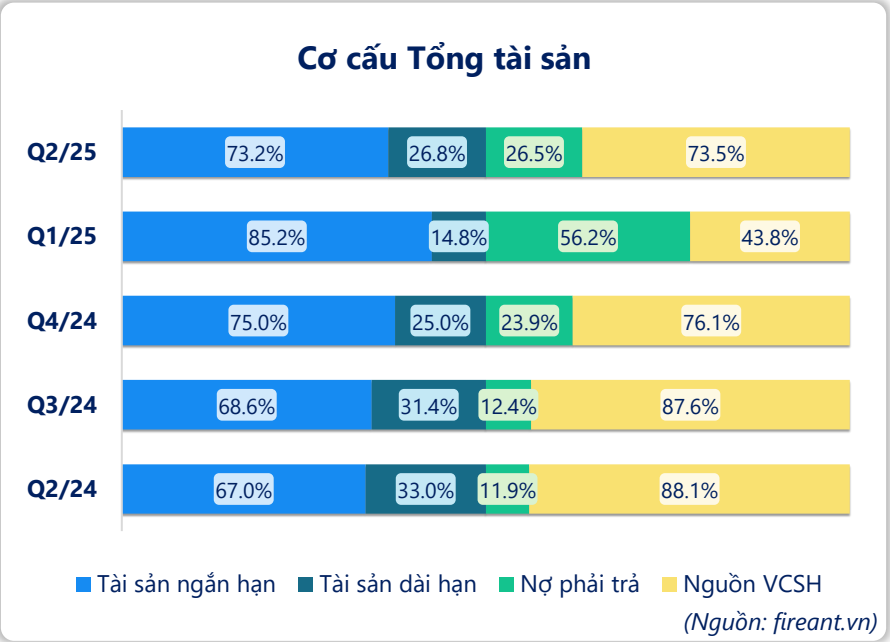
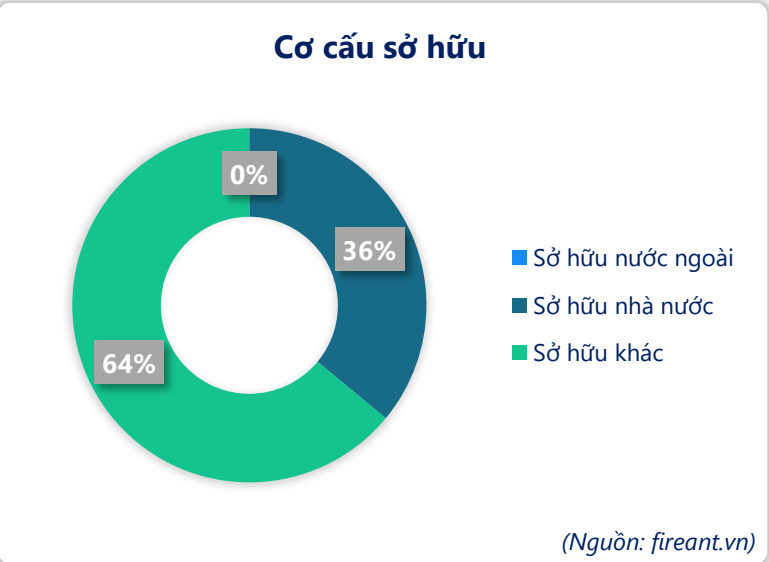
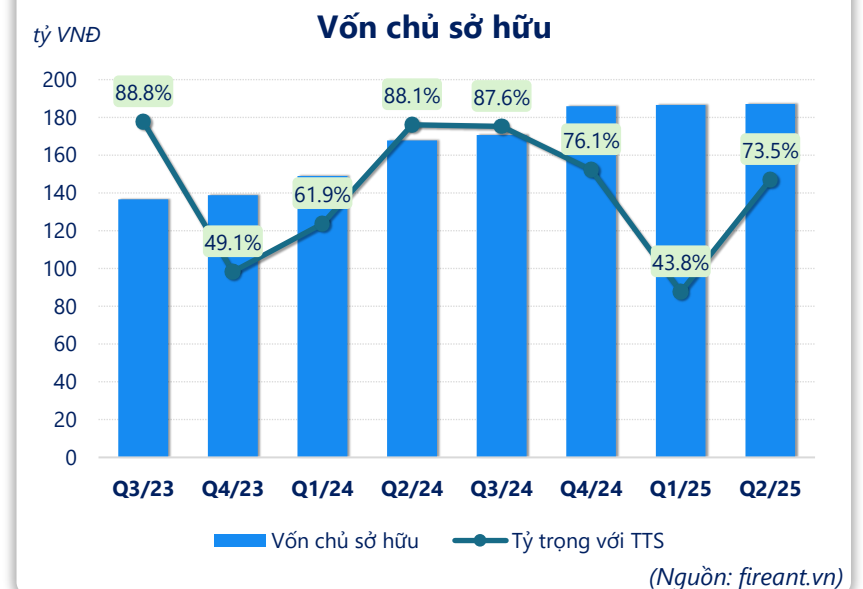
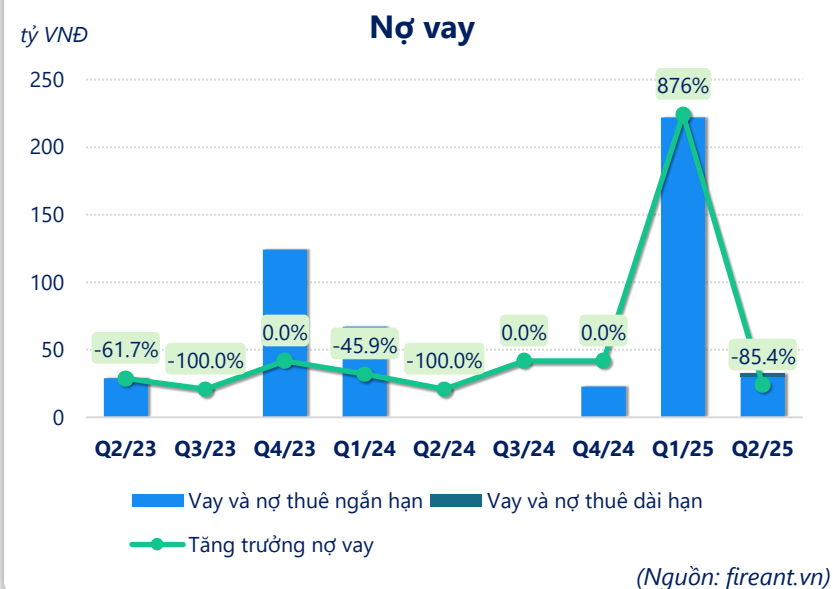
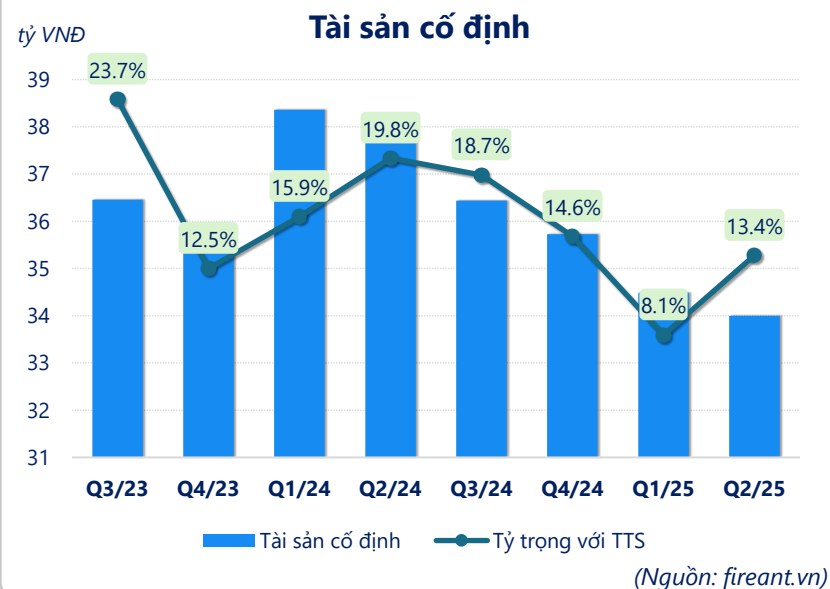
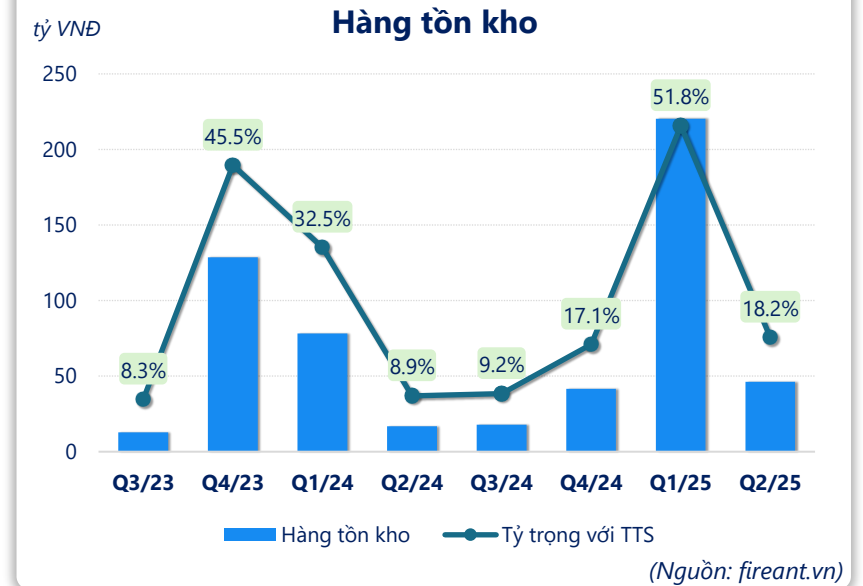
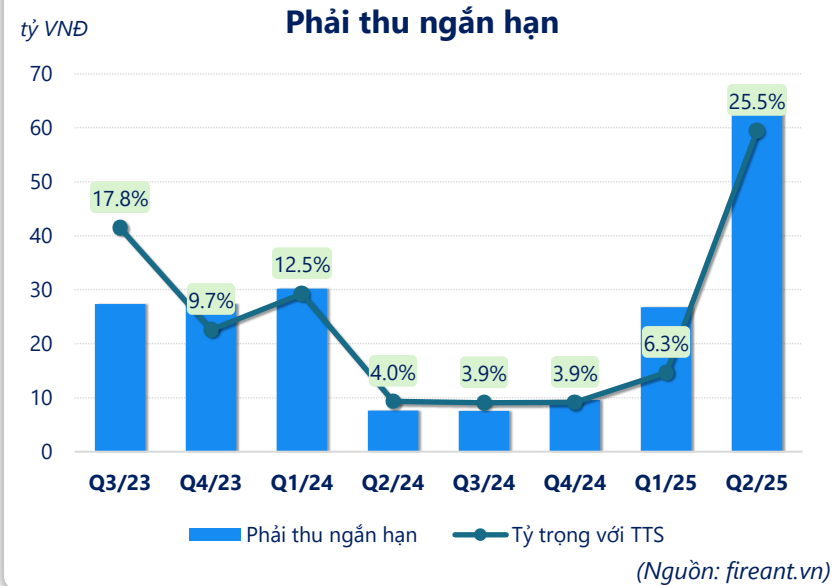
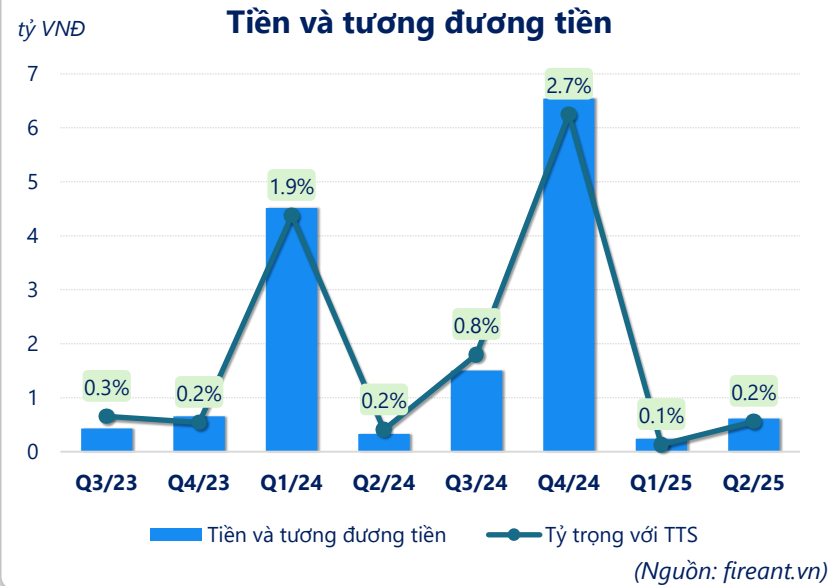
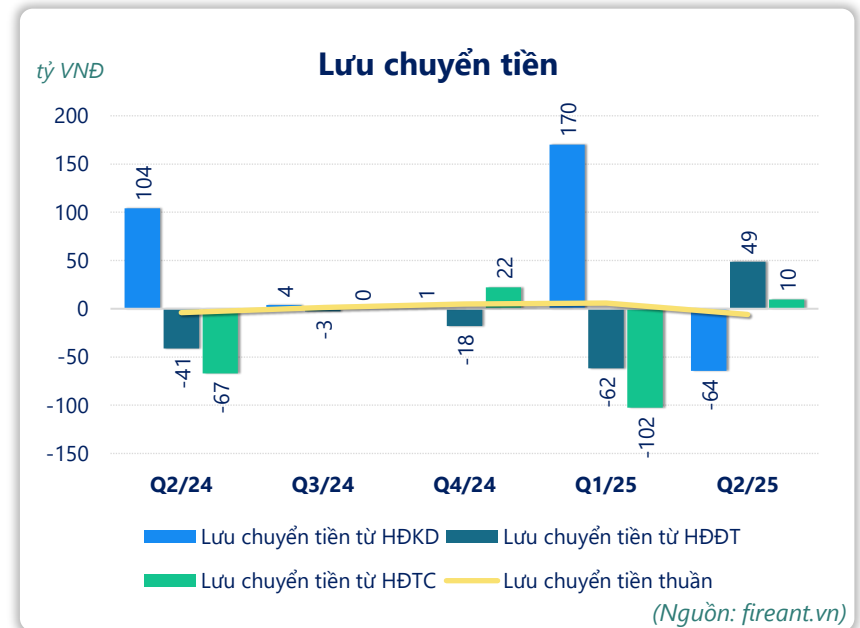
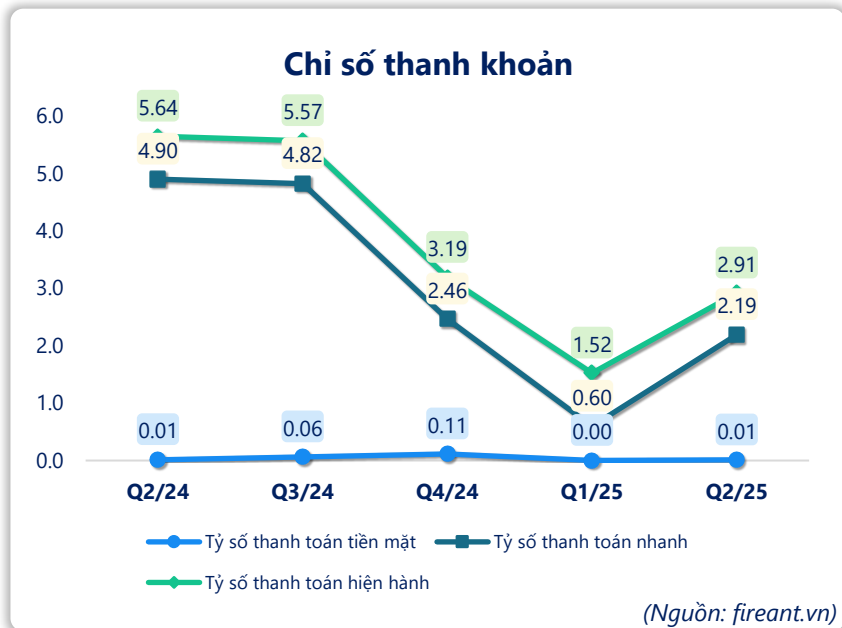
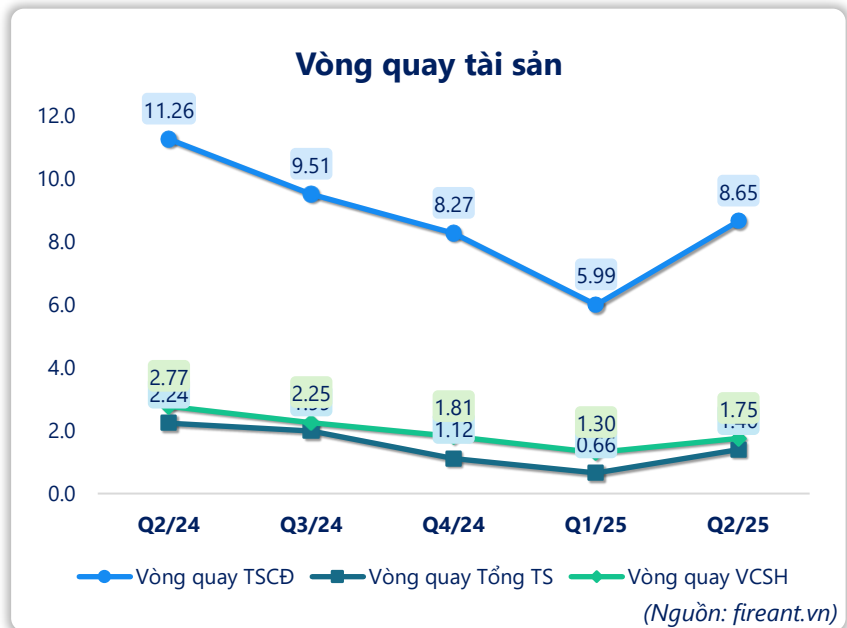
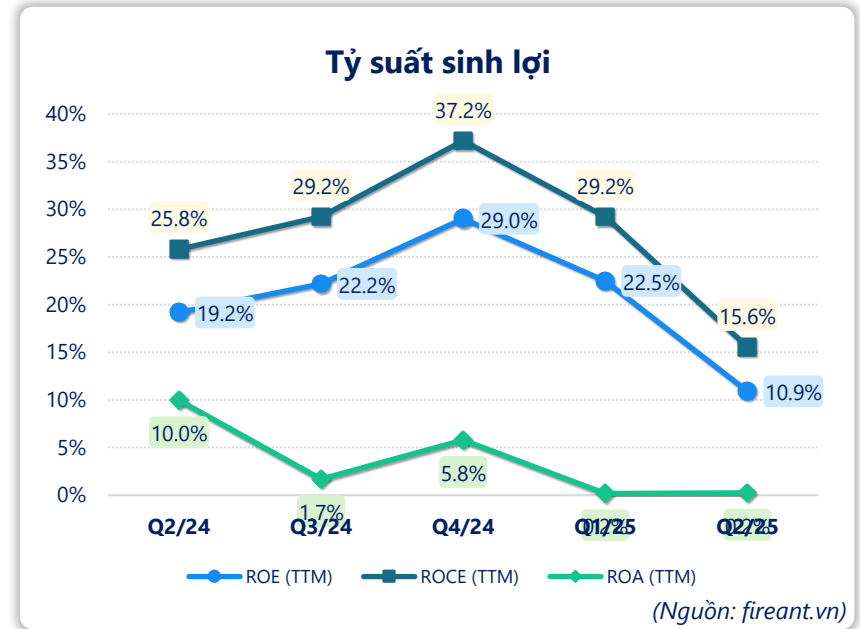
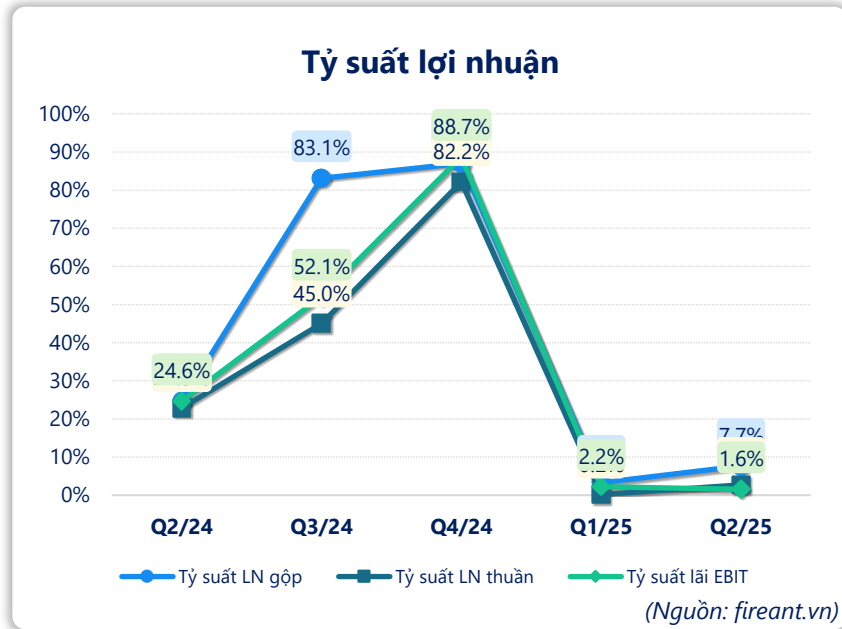
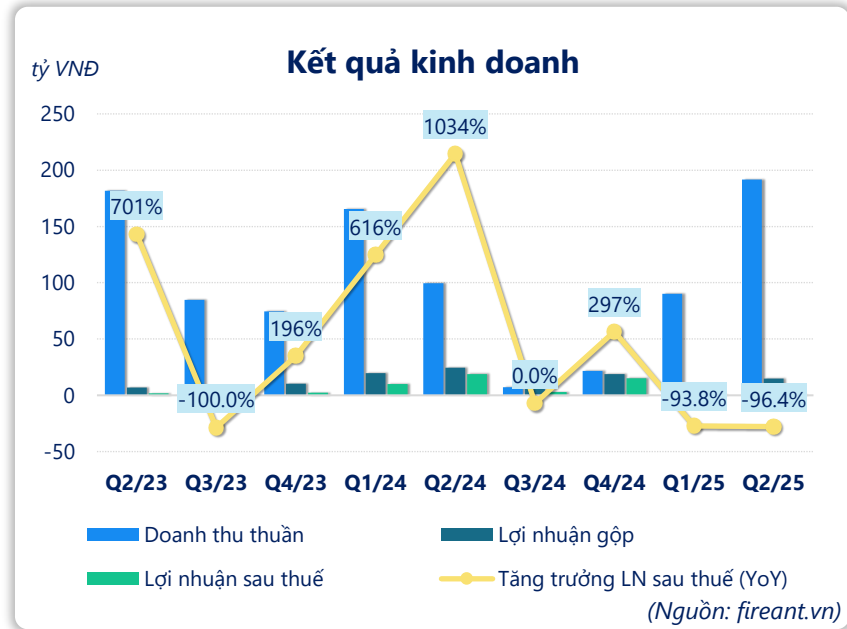


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,400
SL cổ phiếu LH		12,650,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		60
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		329
P/E		17.0
EPS		1,529

	YTD	1T	3T	6T
CFV	2.8%	0.4%	-11.3%	2.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	254	243	4.7%
Tài sản ngắn hạn	186	182	2.2%
Tiền và tương đương tiền	0.61	6.54	-90.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.4	125	-41.4%
Phải thu ngắn hạn	64.9	8.42	671%
Hàng tồn kho	46.2	41.7	10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.06	0.16	551%
Tài sản dài hạn	68.2	60.9	11.9%
Phải thu dài hạn	0.02	0	
Tài sản cố định	34.0	35.7	-4.8%
Bất động sản đầu tư	11.2	11.9	-6.0%
Tài sản dở dang	13.7	3.61	278%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.32	9.68	-3.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	67.3	57.2	17.8%
Nợ ngắn hạn	63.9	56.4	13.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.1	22.7	32.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.65	1.18	-45.0%
Nợ dài hạn	3.44	0.76	356%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.39	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	187	186	0.6%
Vốn chủ sở hữu	187	186	0.6%
Vốn điều lệ	127	127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	99.5	7.13	21.6	90.1	192
Giá vốn hàng bán	75.0	1.20	2.80	87.1	177
Lợi nhuận gộp	24.5	5.93	18.8	2.96	14.7
Doanh thu HĐTC	2.79	0.05	2.71	2.07	3.28
Chi phí TC	0.38	0.00	0.71	1.40	7.55
Chi phí lãi vay	0.33	0	0.02	1.20	2.25
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.27	0.67	0.89	1.62	2.63
Chi phí QLDN	1.84	2.10	2.17	1.84	2.54
LN thuần từ HĐKD	22.8	3.21	17.8	0.17	5.27
Lợi nhuận khác	1.43	0.50	1.41	0.61	-4.53
LN trước thuế	24.2	3.72	19.2	0.77	0.74
Lợi nhuận sau thuế	18.9	2.93	15.2	0.62	0.55
LNST của CĐ cty mẹ	18.9	2.93	15.2	0.62	0.55

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	104	3.76	0.69	170	-64.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.2	-2.58	-18.0	-61.6	48.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-67.1	0	22.3	-102	9.72
Tiền đầu kỳ	4.51	0.33	1.50	0.66	6.54
Lưu chuyển tiền thuần	-4.18	1.17	5.04	5.89	-5.93
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	0.33	1.50	6.54	6.54	0.61

(Nguồn: fireant.vn)